

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2018/DS-PT
Ngày: 16-5-2018
V/v “Tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyền.

Các Thẩm phán: - Bà Đặng Thị Đồng;

- Ông Nguyễn Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bùi Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Sinh- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2018/TLPT- DS ngày 22 tháng 02 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2018/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Toà án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 56/2018/QĐ-PT ngày 05 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Thùy T (Nguyễn Thu T), sinh năm: 1970; địa chỉ: Đường CMTT, khu phố HL, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Lê Thị Kiều D, sinh năm: 1981; địa chỉ: Số A, ấp NA, xã BN, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh (theo Văn bản ủy quyền ngày 26-10-2017); có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đinh Hoàng V, sinh năm 1979 và chị Lê Kim L, sinh năm: 1978; cùng địa chỉ: đường CMTT, khu phố HL, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: Khu phố NL, phường NT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Anh V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị L có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Kim Th, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp LT, xã LTT, huyện HT, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 02 tháng 10 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - chị Võ Thị Thùy T trình bày: Chị Lê Kim L có hỏi vay 100.000.000 đồng, do số tiền lớn nên chị yêu cầu phải có anh V mới đồng ý cho vay, sau đó chị L đem đến đưa chị tờ cam kết do anh V viết và ký tên ngày 22-5-2012, thời hạn vay 30 ngày (01 tháng), thỏa thuận miệng lãi suất 2% tháng. Đến hạn, chị L và anh V không trả nợ gốc nên trả tiền lãi mỗi tháng là 2.000.000 đồng và đóng tiền lãi đầy đủ được gần một năm.

Ngoài khoản tiền vay này, chị L còn vay tiếp 190.000.000 đồng, khi cho vay anh V không biết, sau này chị qua nhà đòi tiền nợ anh V mới biết, số tiền này chị L nói vay đỡ làm ăn trong vòng một tháng trả nên không có làm giấy nợ. Đến hạn, chị L không trả nên chị yêu cầu chị L viết giấy mượn tiền ngày 13-4-2013 và cho trả dần mỗi tháng trả 10.000.000 đồng, không tính lãi suất. Sau đó, chị L trả mỗi tháng 10.000.000 đồng, đã trả được 67.500.000 đồng, các lần nhận tiền trả chị có ký nhận với chị L, đồng ý trừ vào nợ gốc của số tiền 190.000.000 đồng, còn lại 122.500.000 đồng. Tổng cộng hai lần vay còn nợ là 222.500.000 đồng.

Số tiền vay 190.000.000 đồng, tuy anh V không ký giấy nợ, nhưng anh V biết nên chị yêu cầu anh V và chị L trả nợ gốc là 222.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Chị L và anh V cho rằng tiền vay dùm chị Th, nhưng chị không biết chị Th, không cho chị Th vay tiền nên không chấp nhận lời trình bày của anh V và chị L.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Yêu cầu anh Đinh Hoàng V và chị Lê Kim L trả cho chị T số tiền còn nợ là 222.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất, đồng ý trừ số tiền lãi chị T đã nhận vượt so với quy định của pháp luật của số tiền 100.000.000 đồng vào nợ gốc.

Bị đơn - chị Lê Kim L trình bày: Vợ chồng chị có giao dịch vay mượn tiền của chị T nhiều lần bắt đầu từ năm 2011, có khi vay 10.000.000 đồng; có khi vay 20.000.000 đồng, tiền vay năm 2011 chị còn nợ chị T là 90.000.000 đồng.

Ngày 22-5-2012 vợ chồng chị vay thêm 100.000.000 đồng, do anh V viết và ký tên giấy cam kết. Đến ngày 22-6-2012 vợ chồng chị đã trả cho chị T 70.000.000 đồng tiền gốc và 6.000.000 đồng tiền lãi, còn nợ 30.000.000 đồng. Năm 2012 chốt nợ, vợ chồng chị còn nợ chị T 120.000.000 đồng, sau khi chốt nợ 120.000.000 đồng, vợ chồng chị đóng lãi cho chị T được 02 năm, mỗi tháng là 6.200.000 đồng.

Sau đó, vợ chồng chị mượn thêm của chị T 100.000.000 đồng tiền vay trả góp, không làm giấy tờ và đã góp được khoảng 36.000.000 đồng (trong đó 30.000.000 đồng tiền gốc và 6.000.000 đồng tiền lãi) còn nợ 70.000.000 đồng.

Đến ngày 13-4-2013 chốt nợ chị còn nợ chị T 190.000.000 đồng, chị có làm giấy mượn tiền. Vì chị mượn dùm cho chị ruột tên Lê Kim Th ở ấp LT, xã LTT, huyện HT nên chị Th cũng có viết một giấy nợ 190.000.000 đồng cho chị T, do

chị T cất giữ, chị đã trả cho chị T được 67.500.000 đồng, còn nợ 122.500.000 đồng.

Chị L xác định chỉ còn nợ chị T 122.500.000 đồng nhưng không đồng ý trả, vì tiền chị mượn dùm cho chị Th.

Bị đơn - anh Đinh Hoàng V trình bày: Thừa nhận ngày 22-5-2012 anh có viết và ký tên giấy cam kết mượn tiền của chị T 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, số tiền này do chị vợ anh là Lê Kim Th đến hỏi vay, theo yêu cầu của chị T nếu anh ký giấy nợ thì chị T mới cho vay tiền, vì muốn giúp chị vợ nên anh đồng ý viết giấy cam kết đưa chị T giữ. Theo giấy cam kết vay với thời hạn 30 ngày, anh chỉ đồng ý bảo lãnh trong thời gian này, khi đến hạn vợ anh lấy tiền của chị T trả cho chị T xong. Riêng số tiền 190.000.000 đồng chị L làm giấy mượn tiền ngày 13-4-2013, anh không biết. Sau khi ký giấy mượn tiền chị L mới nói cho anh biết và vợ chồng chị T cũng mang giấy nợ qua báo cho anh biết là vợ nợ tiền của chị T. Nay chị T khởi kiện yêu cầu anh và chị L trả số tiền 222.500.000 đồng anh không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Lê Kim Th trình bày: Chị không trực tiếp vay tiền của chị T mà do chị L em chị vay dùm để chị làm ăn mua bán, ban đầu chị T không biết, sau này mới biết chị L vay tiền dùm chị.

Năm 2011 có khi L mượn 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, nhiều lần cộng lại số tiền nợ lên 90.000.000 đồng. Sau đó, em rể chị là anh V có làm giấy nợ (giấy cam kết) mượn thêm 100.000.000 đồng, hẹn một tháng trả, lãi suất chị T tính 6% tháng. Đến hạn trả nợ, chị và chị L chỉ trả cho chị T được 70.000.000 đồng, còn nợ lại 30.000.000 đồng. Tổng cộng hai lần vay còn nợ lại 120.000.000 đồng, sau đó chị đưa tiền cho chị L trực tiếp trả lãi cho chị T được hơn một năm với lãi suất mỗi tháng 6% của số tiền gốc 120.000.000 đồng.

Ngoài số tiền 120.000.000 đồng, chị còn nhờ L mượn thêm 100.000.000 đồng tiền góp, nhưng chị L chỉ góp được hơn 30.000.000 đồng (cả gốc và lãi), còn nợ lại 70.000.000 đồng tiền gốc. Chị T cộng dồn với 120.000.000 đồng thành 190.000.000 đồng, chị T yêu cầu chị ký vào sổ nợ của chị T trước, sổ do chị T giữ, sau đó mới kêu chị L làm giấy mượn tiền với chị T.

Sau khi chị L làm giấy mượn 190.000.000 đồng, chị đưa tiền cho chị L trả chị T mỗi tháng 10.000.000 đồng, chị L trả cho chị T hơn 60.000.000 đồng còn nợ lại 122.500.000 đồng. Chị Th xác định chị là người nợ chị T, còn chị L và anh V là người vay tiền dùm chị nên chị xin lãnh trả số tiền này cho chị T; anh V và chị L không liên quan gì đến số nợ này.

Bản án số: 02/2018/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 256 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Thùy T.

Buộc chị Lê Kim L, anh Đinh Hoàng V trả cho chị Võ Thị Thùy T số tiền 208.750.000 (*hai trăm lẻ tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn*) đồng. Ghi nhận chị T không yêu cầu tính lãi suất.

2. Về án phí: Chị Lê Kim L, anh Đinh Hoàng V phải chịu 10.437.500 (*mười triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị Võ Thị Thùy T không phải chịu án phí, hoàn trả cho chị T 6.750.000 (*sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004596 ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh.

Ngày 18-01-2018 anh Đinh Hoàng V kháng cáo với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm buộc trả số tiền 208.750.000 đồng anh không đồng ý.

Anh Đinh Hoàng V vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị L và chị Th trình bày: Năm 2011 còn nợ chị T 90.000.000 đồng; ngày 22-5-2012 vay 100.000.0000 đồng (anh V làm giấy nợ), đến ngày 22-6-2012 chị Th đưa tiền cho chị L trả chị T được 70.000.000 đồng tiền gốc và 6.000.000 đồng tiền lãi, còn nợ 30.000.000 đồng, cộng dồn lại còn nợ là 120.000.000 đồng, đóng lãi 02 năm mỗi tháng 6.200.000 đồng; sau đó mượn thêm 100.000.000 đồng trả góp được 30.000.000 đồng gốc và 6.000.000 đồng tiền lãi còn nợ 70.000.000 đồng, giấy nợ ngày 13-4-2013 là đã cộng dồn các lần vay lại tổng cộng nợ 190.000.000 đồng. Sau đó trả góp mỗi tháng 10.000.000 đồng được 67.500.000 đồng, chỉ còn nợ chị T 122.500.000 đồng, đồng ý trả số tiền này.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; không chấp nhận kháng cáo của anh Đinh Hoàng V; xác định chị L chưa trả tiền gốc, chưa trả tiền lãi như trình bày; đồng ý khấu trừ số tiền lãi chị T đã nhận vượt so với quy định của pháp luật của số tiền 100.000.000 đồng vào nợ gốc.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Đinh Hoàng V; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 10-01-2018 của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Đinh Hoàng V vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp: Chị T xác định có cho anh V vay số tiền 100.000.000 đồng, anh V viết giấy cam kết vào ngày 22-5-2012 thời hạn vay 30 ngày; cho chị L vay số tiền 190.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, chị L viết giấy mượn tiền ngày 13-4-2013. Thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật đã hết. Tuy nhiên, anh V và chị L thừa nhận có vay tiền của chị T có giấy nợ như chị T trình bày là đúng; chị T (do chị D đại diện) và chị L đều xác định có giao nhận tiền lãi suất và đồng ý trừ tiền lãi suất cao đã nhận vào tiền gốc, nên tranh chấp giữa chị T và anh V, chị L là quan hệ tranh chấp “hợp đồng dân sự vay tài sản”, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “đòi lại tài sản” là không đúng.

[3] Xét kháng cáo của anh Đinh Hoàng V không đồng ý cùng chị Lê Kim L trả cho chị Võ Thị Thùy T số tiền 208.750.000 đồng, thấy rằng: Anh V có viết giấy cam kết vào ngày 22-5-2012 vay của chị T số tiền 100.000.000 đồng (bút lục số 55); chị L vay của chị T số tiền 190.000.000 đồng, chị L có viết giấy mượn tiền ngày 13-4-2013 (bút lục số 54); anh V và chị L thừa nhận có vay tiền của chị T có viết giấy nợ như chị T trình bày là đúng; anh V và chị L cho rằng vay tiền từ chị Th, chị T không thừa nhận, trong giấy cam kết và giấy mượn tiền không thể hiện tiền vay từ chị T, anh V và chị L không có chứng cứ chứng minh là vay từ chị Th, chỉ có lời khai của chị Th là chưa đủ căn cứ để chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh V và chị L trả nợ cho chị T là có căn cứ.

Xét về tiền lãi suất: Chị T xác định hai bên thỏa thuận 2%/ tháng; chị L xác định 6%/ tháng, các đương sự có tranh chấp về tiền lãi. Tại khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 quy định: Trong trường hợp các bên có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 0,75%/tháng để tính lại, khấu trừ tiền lãi suất cao chị T đã nhận, số nợ còn lại phải trả 208.750.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Chị L và chị Th xác định đã trả tiền gốc, trả tiền lãi; sau đó cộng dồn lại chỉ còn nợ chị T 122.500.000 đồng; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không thừa nhận; chị L và chị Th không có chứng cứ chứng minh cho việc trả tiền gốc, trả tiền lãi cũng như việc cộng dồn còn nợ 122.500.000 đồng nên không có căn cứ chấp nhận.

Anh V kháng cáo, nhưng không có chứng cứ chứng minh cho việc kháng cáo nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định: Đương sự kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc

thẩm, nếu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm bị kháng cáo. Do kháng cáo của anh Đinh Hoàng V không được chấp nhận nên anh V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Đinh Hoàng V; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 02/2018/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào các điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Thùy T.

Buộc chị Lê Kim L và anh Đinh Hoàng V trả cho chị Võ Thị Thùy T số tiền 208.750.000 đồng (hai trăm lẻ tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Ghi nhận chị T không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị L và anh V không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng chị L và anh V còn phải trả cho chị T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Kim L và anh Đinh Hoàng V phải chịu 10.437.500 đồng (mười triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Chị Võ Thị Thùy T không phải chịu án phí, hoàn trả cho chị T 6.750.000 đồng (sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo Biên lai thu số 0004596 ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Đinh Hoàng V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh V đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0007020 ngày 18/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TANDTP Tây Ninh;
- CCTHADSTP Tây Ninh;
- Phòng KTNV&THAHSTA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Trương Thị Tuyền